TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2019/HNGĐ-ST
Ngày:19/9/2019.
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Tuân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Công Nhận** và bà **Nguyễn Thị Bình**.

Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thủy** - Thư ký Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện TH, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Phạm Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện TH, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/7/2019 về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS, ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị **Đào Thị H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn**: Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương, có mặt.

3. **Người làm chứng**: Ông **Trần Quang K**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; ông Khải có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: Chị H và anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/11/1999. Chị H, anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa hợp. Do tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn từ tháng 7 năm 2016 hai vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay chị H xác định tình cảm,

tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Bùi Văn B.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Bùi Văn B trình bày: Anh B và chị Đào Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở pháp luật, được UBND xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1999. Khi về chung sống được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống đời thường. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, chị H không có thiện chí về đoàn tụ hôn nhân, hiện tại hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh B tự xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh B xác định có hai con là Bùi Thị P, sinh ngày 03/7/2000; Bùi Quốc T, sinh ngày 21/12/2007, hiện tại cháu Tuệ do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn chị H, anh B đều xác định con chung là cháu Hoa hiện tại đủ 18 tuổi, nên tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về việc nuôi dưỡng con chung là Bùi Quốc T, chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, nếu được nuôi dưỡng cháu Tuệ, chị H tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh B đồng ý giao cháu Tuệ cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh B tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Nguyễn Quang Khải xác định: Chị H, anh B là vợ chồng, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã được gia đình động viên hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện; hai bên sống ly thân, không còn biện pháp nào để đoàn tụ hôn nhân. Hiện tại chị H và cháu Tuệ đang ở nhờ nhà đất của gia đình ông tại xóm 5, thôn A, xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Đại diện VKSND huyện TH, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về điều luật: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh B. Đề nghị giao con chung là Bùi Quốc T, sinh ngày 21/12/2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Tài sản chung, công nợ, công sức, không đề nghị giải quyết. Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Chị Đào Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân với anh Bùi Văn B. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện TH, tỉnh Hải Dương. Chị H, anh B có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Bùi Văn B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương, vào ngày 09/11/1999 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H, anh B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa thuận, không bảo ban nhau được trong cuộc sống đời thường cũng như việc phát triển kinh tế gia đình. Hiện tại các đương sự sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại UBND xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Từ những căn cứ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Xử cho chị H ly hôn anh B, là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế.

[3]. Về con chung: Xác định chị H, anh B có hai con là Bùi Thị P, sinh ngày 03/7/2000; Bùi Quốc T, sinh ngày 21/12/2007, hiện tại cháu Hoa đã đủ 18 tuổi nên chị H, anh B không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết. Đối với con chung Bùi Quốc T, có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị H. Chị H có quan điểm đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuệ và tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh B nhất trí giao con chung là Bùi Quốc T cho chị H nuôi dưỡng. Xác minh tại UBND xã K, huyện TH, tỉnh Hải Dương xác định chị H có nghề nghiệp là giáo viên, có điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn so với anh B. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, nguyện

vọng của cháu Tuệ và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu Tuệ cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế, điều kiện cuộc sống của các bên đương sự. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh B đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, là đúng pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị Đào Thị H có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử, chị **Đào Thị H** ly hôn anh **Bùi Văn B**.

Về con chung: Xử, giao con **Bùi Quốc T**, sinh ngày **21/12/2007** cho chị **Đào Thị H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Đào Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Văn B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Bùi Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đào Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005590, ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã K, huyện TH (đăng ký kết hôn số 21, ngày 09/11/1999, để lưu và vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân